TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **141**/2024/HN-ST
Ngày: 19/4/2024
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Lê Văn Minh**
+ Bà **Trương Thị Út Mỹ**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 26/2024/TLST-HN ngày 19/01/2024 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02/4/2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Bùi Văn L**, sinh năm xxxx (xin vắng mặt),

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh T.

* *Bị đơn*: **Huỳnh Thị Bé T**, sinh năm xxxx (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Tại đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Văn L trình bày***: anh và chị T cưới nhau vào năm 2018 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tăng Hòa. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị T không lo làm ăn và thường bỏ nhà đi. Anh và chị Lan không còn chung sống với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nữa nên anh xin được ly hôn với chị T.

Về con chung: Không có.

Tài sàn chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị Huỳnh Thị Bé T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho chị T nhưng chị T không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của anh L.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Anh L yêu cầu ly hôn với chị T là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh L xin ly hôn với chị T nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là "xin ly hôn". Bị đơn chị Huỳnh Thị Bé T trú tại địa chỉ: ấp Xóm Gò, xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn anh Bùi Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Huỳnh Thị Bé T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị T theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh L xin ly hôn với chị T do bất đồng quan điểm sống, chị T không lo làm ăn và thường bỏ nhà đi. Anh L với chị T không còn chung sống với nhau từ năm 2022 đến nay, trong thời gian này anh L và chị T đều không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau. Chị T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn không đến để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh L, chứng tỏ chị T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh L. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh L và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L yêu cầu ly hôn với chị T là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: anh L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: do anh L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 điều 277, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Bùi Văn L.

[1] Về hôn nhân: Anh Bùi Văn L được ly hôn với chị Huỳnh Thị Bé T.

[2] Về án phí: Anh Bùi Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0013167 ngày 17/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông nên anh L đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã Tăng Hòa;
- Ñöông söï;
- Löu hoà sô, án văn.

Nguyễn Văn Nguyên